

Điện Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2026

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NSNN QUÝ 3
NĂM 2026 CỦA VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán nhà nước quý 3 năm 2026 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán quý 3 năm 2026	Thực quý 3 năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí năm 2025 chuyển sang	1.795.536.288			
2	Kinh phí giao trong năm 2026	59.790.720.000			-
3	Kinh phí được sử dụng trong năm	61.586.256.288			
3.1	Kinh phí chi thường xuyên	14.405.857.714			
3.2	Kinh phí chi không thường xuyên	47.180.398.574			
4	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		44.042.574.115	71%	
4.1	Kinh phí chi thường xuyên		10.426.721.948	72%	
	Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		0		
4.2	Kinh phí chi không thường xuyên		33.615.852.167	71%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				

1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Kinh phí năm 2025 chuyển sang	906.412.304			
2.2	Kinh phí giao trong năm 2026	1.433.000.000			
2.3	Kinh phí được sử dụng trong năm	2.339.412.304			
2.4	Kinh phí thực hiện 9 tháng đầu năm 2026 (Tăng cường tiếp cận công nghệ giáo dục bình đẳng và hòa nhập cho trẻ em Việt Nam tại tỉnh Điện Biên)		1.442.395.303	62%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí giao trong năm 2026	472.500.000			
-	Kinh phí thực hiện 9 tháng đầu năm 2026 (Chi Dự án Chương trình học bổng và phát triển kỹ năng dành cho nữ sinh nghèo vượt khó tại tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2025-2028)		314.620.000	66%	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Ngày 9 tháng 10 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Trần Dũng Ninh